

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 1 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	3	901	915	14	12.650	177.100	
102	8	496			12.650	0	
103	8	582	597	15	12.650	189.750	
104	8	370	377	7	12.650	88.550	
105	Phòng trực	500	553		12.650	0	
106	8	633	641	8	12.650	101.200	
107	PSHC	644			12.650	0	
108				0	12.650	0	
109	8	426	430	4	12.650	50.600	
110	8	441	444	3	12.650	37.950	
111	8	559	565	6	12.650	75.900	
112	8	393	396	3	12.650	37.950	
113	8	380	384	4	12.650	50.600	
114	8	277	280	3	12.650	37.950	
201	7	923	954	31	12.650	392.150	
202	7	850	856	6	12.650	75.900	
203	7	751	758	7	12.650	88.550	
204	8	667	681	14	12.650	177.100	
205	8	613			12.650	0	
206	7	640	651	11	12.650	139.150	
207	8	590	605	15	12.650	189.750	
208	8	627	641	14	12.650	177.100	
209	4	498	507	9	12.650	113.850	
210	8	434	437	3	12.650	37.950	
211	8	512	531	19	12.650	240.350	
212	8	465	476	11	12.650	139.150	
213	0	585	598	13	12.650	164.450	
214	8	605	609	4	12.650	50.600	
301	7	577	591	14	12.650	177.100	
302	2	510	518	8	12.650	101.200	
303	8	481	493	12	12.650	151.800	
304	8	517	521	4	12.650	50.600	
305	2	463	471	8	12.650	101.200	
306	2	490	507	17	12.650	215.050	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	475	478	3	12.650	37.950	

310	8	449	453	4	12.650	50.600
311	2	434	438	4	12.650	50.600
312	8	535			12.650	0
313	6	504	523	19	12.650	240.350
314	8	475	481	6	12.650	75.900
401	8	516	519	3	12.650	37.950
402	8	378	383	5	12.650	63.250
403	8	379	383	4	12.650	50.600
404	8	328	334	6	12.650	75.900
405	8	307	310	3	12.650	37.950
406	8	372	377	5	12.650	63.250
407	8	417	430	13	12.650	164.450
408	8	575	585	10	12.650	126.500
409	8	332	341	9	12.650	113.850
410	8	495	499	4	12.650	50.600
411	8	377	379	2	12.650	25.300
412	8	366	369	3	12.650	37.950
413	8	404	409	5	12.650	63.250
414	8	460	463	3	12.650	37.950
501	8	251	253	2	12.650	25.300
502	8	350	354	4	12.650	50.600
503	8	461	464	3	12.650	37.950
504	8	391	393	2	12.650	25.300
505	8	393	397	4	12.650	50.600
506	8	292	294	2	12.650	25.300
507	8	406	410	4	12.650	50.600
508	8	354	357	3	12.650	37.950
509	8	323	329	6	12.650	75.900
510	8	334	336	2	12.650	25.300
511	8	177	181	4	12.650	50.600
512	8	306	312	6	12.650	75.900
513	8	263	264	1	12.650	12.650
514	8	197	201	4	12.650	50.600
Cộng	472			445		5.629.250

(Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà